

VÀI NÉT VỀ ĐÌNH VÀ CHÙA HỘI XÁ (Quận Long Biên - Hà Nội)

THẾ QUÂN - NGUYỄN ĐẠT

Một "ông già" bất hạnh! Khi ông đang hấp hối bởi cơn bạo bệnh, không ai thương xót ông và cũng không ai lo cấp cứu cho ông. Nghĩ lại, mới gần đây thôi (năm 1994), nhờ "những giá trị tự thân" mà ông đã được người đời đưa vào hàng ngũ danh dự của đất nước, được pháp luật bảo hộ. Chỉ vài năm sau, những tưởng ông sẽ được bảo vệ và tôn tạo để góp phần làm một nền tảng cho việc bảo tồn truyền thống văn hoá dân tộc. Nhưng, chưa thấy bao giờ và ở đâu lại có sự ứng xử tàn bạo như thực tế hiện thấy. Một số cá nhân ngang nhiên (dù là hữu thức hay vô thức) đã vi phạm pháp luật hiện hành. Người ta "truất ngôi" và viết giấy khai tử cho ông, bằng cách đặt cạnh ông một "thằng bé" vô hồn, lai căng vô lối: chẳng phải Tây, không phải Tàu và có lẽ chỉ "giả vờ" là Việt - Phải chăng, đó là tình trạng hiện nay của "ông già" bất hạnh ở Hội Xá, một di tích thuộc thủ đô ngàn năm văn vật, mới được xếp hạng quốc gia cách đây 17 năm! Ở nơi ấy, một nắm mồ hoang nằm ngay cạnh sự ồn ào ô trược, người ta cứ tưởng việc đề cao sự "hữu chấp" (với kiểu nhà khang trang, cao to, diêm dúa, loè loẹt...) thay cho một yếu nghĩa sâu xa mang tính "vô chấp" của Phật triết, là phù hợp với thực tại, là "Phật pháp bất ly thế gian pháp", là đáp ứng được yêu cầu của đông đảo quần chúng... Nhưng, tổ tiên chúng ta đã từng dạy, "đạo" phải vì "đời" và đời cần nương tựa vào đạo mà tránh được những mê lầm để tồn tại,

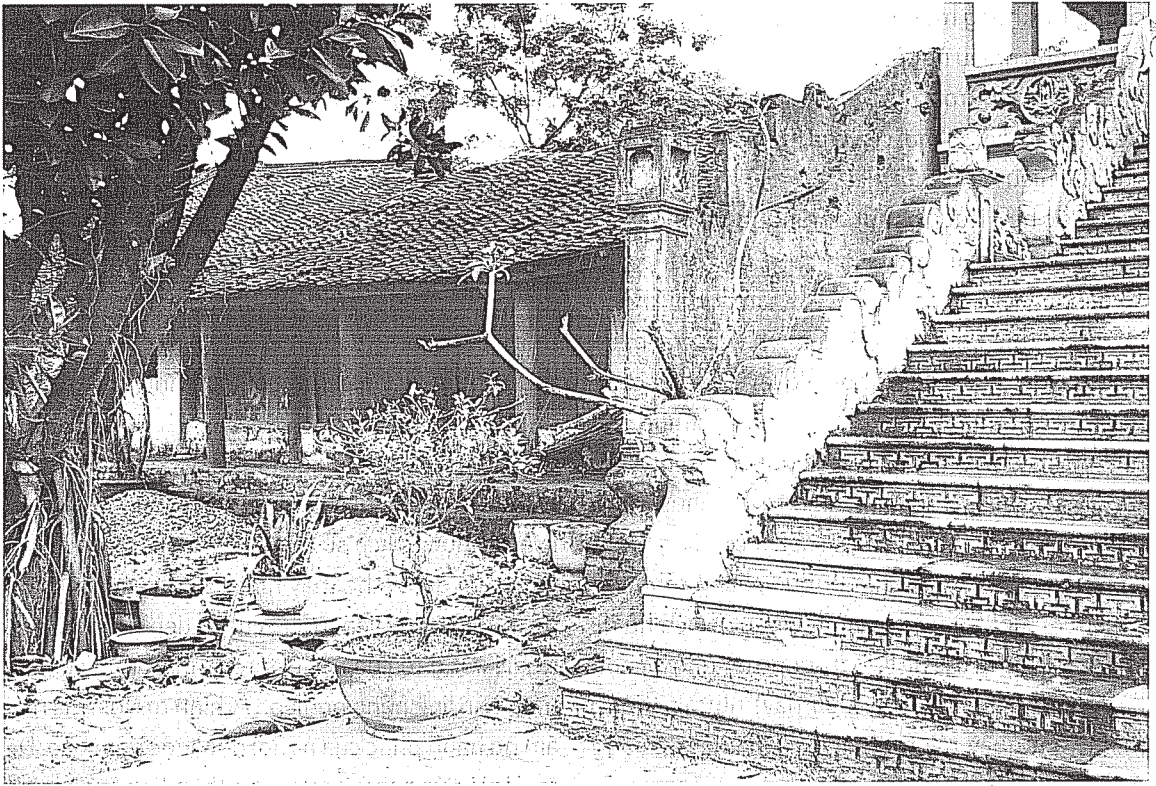
ổn định và phát triển.

Như vậy, đạo và đời là một cặp phạm trù luôn đòi hỏi sự cân bằng. Vì thế, khi vật chất hoá mạnh mẽ ngôi chùa không đúng cách sẽ góp phần làm tàn phai ý nghĩa sâu xa của đạo - Và, như thế, đời và đạo không còn tính chất dung hợp, mà ít nhiều chuyển sang có nét "đối kháng" (!), đó là hiện tượng liên quan tới ngôi chùa Hội Xá hiện nay. Cụ thể là, người ta đã xây một kiến trúc mới, to lớn, kiến cố bằng bê tông... áp sát ngay vách tường hồi của ngôi chùa vừa được nhà nước công nhận. Kiến trúc "vô phép" này đã ngang nhiên vi phạm pháp luật hiện hành, bởi chính nó đã phá vỡ cảnh quan gốc, kể cả không gian hình thức và không gian tâm linh của ngôi chùa, nó nằm ngay trong khu vực bất khả xâm phạm, được ghi rõ trong hồ sơ xếp hạng di tích (hiện hồ sơ này được lưu ở các cấp Bộ (Cục Di sản văn hóa), thành phố, quận và địa phương...). Trong trường hợp này, khó có thể có sự không hiểu biết pháp luật hiện hành, mà chỉ có thể kể vi phạm đã tự đặt cho mình quyền đứng cao hơn hoặc nằm ngoài sự "quản lý" của pháp luật (!).

Chúng ta trở lại với một vài lời "thâm thì nhần nhủ" của tổ tiên qua văn hoá, kiến trúc, nghệ thuật của đình, chùa Hội Xá (cả về văn hoá vật thể và văn hoá phi vật thể).

1 - Về đình Hội Xá

Theo hồ sơ được lập vào tháng 1 năm 1994, đình vẫn còn khá vững chãi, các bức ảnh chụp cho



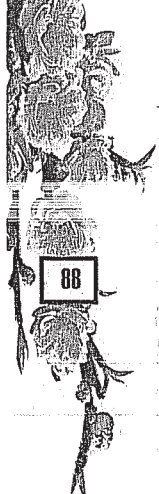
Chùa Hội Xá bị vi phạm - Ảnh: Tác giả

thấy, đình được dựng với mặt bằng chữ nhật, còn có một cửa xây, đề 3 chữ "Phúc Thọ môn", kết cấu vì nóc của đình theo kiểu giá chiêng, với các con rường (chính phụ), đầu bẩy... được chạm trổ rất kỹ, với các đề tài vân xoắn lớn, lá cúc cách điệu... Bằng vào đường nét tạo hình, tạm thời chúng ta có thể xếp chúng vào giai đoạn nghệ thuật khoảng cuối thế kỷ XIX đầu XX. Ngoài ra, trong đình còn nhiều ngai, bài vị, y môn và một số di vật khác, trong đó có bài vị mang phong cách của thế kỷ XVIII, có hai bức phù điêu hình chữ nhật khá lớn, chạm rồng nổi cao, tuy không phải là sản phẩm sớm nhưng chúng thực sự đã được coi như hai trong những tác phẩm nghệ thuật nổi bật của ngôi đình này. Nhưng, tới nay, ngôi đình gốc đó cũng không còn (mới bị dỡ để làm mới được vài năm nay), mà chỉ có ngôi nhà được gọi là đình bé nhỏ, được làm theo kiểu chữ đình, ba gian tường hồi bít đốc, chủ yếu bào trơn đóng bén. Đình đã chuyển sang mang chức năng của một ngôi đền, miếu, lấy thờ cúng là chính. Nơi đây, chức năng nguyên gốc của ngôi đình làng

quen thuộc hầu như chỉ còn gặp ở văn hoá phi vật thể qua thần Thành hoàng làng và một vài biểu hiện trong lễ hội. Cụ thể như sau:

1.1- Về Thành hoàng làng: có một thời, nhiều người lầm tưởng Thành hoàng làng chỉ là vị thần tối thượng, độc tôn của làng. Nhưng thực tế, không phải vậy, khi đình làng tiếp nhận yếu tố đền, có nghĩa lúc đình được dân dã/gian hoá, thì tự nhiên nó trở thành một trung tâm hội tụ nhiều thần linh nổi bật của địa phương đó, để cuối cùng có nhiều vị thần mang tư cách Thành hoàng làng ở trong đình (hiện tượng này, có lẽ phát sinh từ khoảng nửa cuối thế kỷ XVI về sau, mà có thể đình cao vào cuối thế kỷ XVIII). Ở trường hợp của đình Hội Xá, thần phải cho biết, trong hệ thống Thành hoàng làng hiện có ba vị: 1 anh hùng văn hoá là thánh Gióng, 1 là nhiên thần - ông Hoàng Hổ, 1 là nhân thần - tướng quân Nguyễn Nộn.

1.1.1- Về thánh Gióng: giữ vai trò chính trong tâm thức của quần chúng nơi này. Hai vị khác chỉ như được bổ sung để tôn vinh nhà thánh. Ở đây



chúng tôi không muốn nhắc lại về sự tích của Ngài (vì hầu như nhiều người đã biết), mà muốn lấy ra từ những sự kiện trong truyền thuyết để mong đưa Ngài ra khỏi "vùng mờ" của văn hoá, có nghĩa, bước đầu tìm hiểu xem Ngài là ai?

Trước hết, Ngài là một anh hùng văn hoá của dân tộc Việt. Truyền thuyết ghi rằng, mẹ Ngài là một cô gái đồng trinh, dẫm vào vết chân người khổng lồ, rồi do thiên nhân hợp khí mà bà có mang, đã sinh ra Ngài. Vậy, người khổng lồ là ai? và vết chân này mang nghĩa gì? Trong quan niệm chung của nhân loại (cả Việt Nam), loài người đã trải qua hai thế hệ. Thế hệ I mang thân hình to lớn nhưng ngờ nghệch, luôn ăn bám vào trời đất, ít có năng lực tự lao động để sống, khiến một buổi, đấng sáng thế đã làm ra một trận đại hồng thủy quét sạch họ đi, rồi sau đó tạo ra thế hệ II, loại người này nhỏ bé hơn (là tổ tiên của chúng ta hiện nay) nhưng thông minh và ít quấy rầy trời đất, tự sản xuất để sống được, nên họ tồn tại.

Một nhận thức khác đã chia vũ trụ thành ba tầng 4 thế giới, gồm thế giới thần linh ở tầng trên, với thân hình khổng lồ, tầng giữa gắn với thế giới loài người. Tầng dưới đất và dưới nước gắn với thế giới bên dưới, thường có thân hình bé nhỏ...

Thời gian trôi đi, đọng lại ở "dấu tích của người khổng lồ" (thường là thần linh) được người đời "đồng nhất" với những vết chân lớn hằn trên đá hoặc hoá thành các hố sâu trên mặt đất. Sự thiêng hoá này nhiều khi còn được gắn với các ao chuôm ở giữa đồng ruộng, mà thực chất là những hố nước chống hạn (trong sản xuất nông nghiệp sử dụng nước tại chỗ - nước mưa). Nhìn chung, các "vết chân" đó đều chứa đựng một luồng sinh khí thiêng liêng. Đó là một nguồn gốc huyền thoại để thánh Gióng xuất thế. Một điểm đáng chú ý khác, đó là vũ khí của nhà thánh - được truyền lại là cây gậy sắt.

Vấn đề đặt ra là, thánh đánh ai? ở đây nhiều người ngờ rằng, chẳng có giặc Ân nào để cho Thánh đánh cả, đây chỉ là một hình thức liên tưởng được ghép vào trong lịch sử. Mà có lẽ "giặc" ở đây là vùng châu thổ thấp đầy gai góc rậm rạp. Sự khó khăn của tự nhiên này đã cản trở bước chân của

người Việt, mà chỉ có khai phá xong thì người Việt mới phát triển được. Nhưng thực tế với công cụ đồ đồng, đồ đá thì việc này quá xa vời. Chỉ khi sử dụng đồ sắt thì vùng châu thổ thấp mới dần trở thành vùng đất đai phì nhiêu nuôi sống và tạo sự phát triển cho tộc Việt một cách mạnh mẽ. Chính sức mạnh của đồ sắt ghê gớm như vậy, dần dần nó được thiêng hoá và nhân cách hoá để trở thành vị thần tối thượng. Đó là thánh Gióng. Buổi đương thời, người Việt mới chỉ có khả năng luyện sắt ở nhiệt độ khoảng 800° tới 900°. Nhiệt độ này chỉ có thể làm chảy sắt có nhiều tạp chất, nên dẫn tới một hệ quả là, thánh đi đánh trận thì gậy sắt bị gãy. Đó là một thực tế lịch sử mà chúng ta cần phải quan tâm. Qua đó có thể thấy rằng, thánh Gióng là con đẻ thuộc tư duy liên tưởng của tổ tiên ta. Trước hết, Ngài là ông tổ của nghề lò rèn, đồng thời cũng là một thần linh nông nghiệp... Chính từ Ngài mà mọi ám no hạnh phúc của người đời được đảm bảo. Để rồi Ngài đứng thứ 2 trong hệ thần linh "tứ bất tử" của người Việt.

1.1.2- Về múa Ải Lao: ông Hoàng Hổ và người câu cá: các cụ già ở địa phương kể lại rằng, vào thời Hùng Vương thứ 6, sau chiến thắng giặc Ân, dân tổ chức mừng thắng lợi với hát và múa. Đó là điều kiện để múa hát Ải Lao ra đời.

Thông thường múa Ải Lao là của dân Hội Xá, được đưa qua sông để tham gia vào hội Gióng. Múa có diễn trình như sau: ngày hội chính (9/4 Âm lịch), đi đầu đoàn là phường áo đỏ, áo đen vác cờ thần, chấp kích (là thanh niên quang quẻ), tiếp tới là đoàn Ải Lao, đi giữa đoàn là ông Hoàng Hổ trong động tác vừa đi vừa múa. Hai bên là ông Trống và ông Mèn đánh nhịp chỉ huy. Tiếp tới là hai ông cầm 2 cây bông 5 tầng, các tầng đều lồng vào chỉ ngũ sắc, cũng vừa đi vừa múa theo nhịp, sau đó là hai hàng dọc, với các ông từ 35 tuổi trở lên (mỗi hàng từ 12 đến 15 ông), mỗi người đều cầm hai nửa ống tre có tua ngũ sắc gỗ vào nhau. Cuối đoàn Ải Lao là ông câu cá. Người dân địa phương cho ông Hoàng Hổ là tướng của thánh Gióng, ông câu cá được coi như là một đại diện của giới bình dân theo thánh Gióng đi đánh giặc. Song, chúng tôi vẫn ngờ rằng,

nhận thức này đã bị đơn giản hoá (các sự kiện) mà có lẽ ở đây còn mang yếu tố tâm linh cao hơn rất nhiều. Cụ thể như: ông Hồ là hiện thân của sức mạnh trần gian, mang chức năng cai quản mặt đất, có khả năng trừ tà sát quỷ, đứng ở trung phương đại diện cho cả ngũ phương... Còn ông câu cá như tượng trưng cho thế giới nước, có khả năng trấn trị các lực lượng ở thế giới thuỷ sinh. Hội lại đó là toàn bộ thể lực của đất và nước hỗ trợ cho thánh Gióng, có nghĩa như hỗ trợ cho sự mở mang đất nước của người Việt ở đương thời. Rõ ràng đây là một hiện tượng của hội lễ truyền thống, nhưng có thể nó đã ẩn chứa biết bao dấu ấn của lịch sử, đang đòi hỏi chúng ta cần giải mã.

2- Về chùa Hội Xá

Tên chữ gọi là Linh Tiên tự đã cho thấy đặc tính dân gian của ngôi chùa này. Bằng vào những hiện vật còn để lại, ít nhất, chúng ta có thể mừng tượng là, chùa được dựng vào nửa đầu thế kỷ XVII. Trải qua những thác ghềnh của thời gian, ngôi chùa đã được tu bổ nhiều lần. Hiện nay, chùa chỉ là một kiến trúc 5 gian tường hồi bít đốc, với nghệ thuật khoảng cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Chùa quay hướng Tây, kết cấu nền chữ đình. Gần đây, tuy chùa đã được xếp hạng quốc gia, nhưng mái ba gian giữa của tiền đường đã bị "thông thiên" mà không được ai quan tâm. Tuy nhiên, chúng ta vẫn nhận ra được vì nóc của nó theo kiểu chống rường, cốn mè... ở trên đó, vẫn còn nhiều dấu tích về chạm khắc, chứa đựng những yếu nghĩa sâu xa. Đó là những vân xoắn và đao cách điệu. Chúng như biểu tượng của sấm chớp, một gợi ý với thần linh để các ngài dùng pháp lực vô lượng, vô biên đưa mây về, để mưa xuống cho muôn loài và cây trồng phát triển, sinh sôi. Trên những cốn mè là những hình cây thiêng hoá rồng, được chạm nổi khá đẹp. Những hình thức này như vẫn đủ sức níu kéo tâm hồn nhân thế, bởi giá trị biểu tượng của chúng khó có thể tàn phai.

Hiện nay, người ta "nhồi nhét" vào thượng điện chùa này cả tượng Phật giáo, tượng Mẫu, thậm chí cả tượng của đạo Phù thuỷ, như ông tổ Huyền Đàn, với trợ thủ là Độc Cước và Tôn Ngộ Không. Trong cái mở hỗn tạp ấy, nếu như theo tư liệu của hồ sơ

xếp hạng di tích quốc gia, thì ban thờ trước đây khá nghiêm chỉnh, với trên cùng là bộ Tam thế Phật, được chạm trổ rất đẹp, có niên đại khoảng nửa đầu thế kỷ XVII. Tạm nghĩ rằng, bộ tượng Tam thế này có thể xếp vào "loại một" của cấp quốc gia, nhưng gần đây cả 3 tượng đã bị mất (!?). Những tượng kể trên vừa có phong cách mang nét phương Nam, gần với nghệ thuật Ấn Độ (sọ lớn, hàm thon, có hoa tai, hình đài sen ngựa). Đáng quan tâm là tượng để hở nửa ngực, vai và cánh tay bên phải (đây là một hình thức đề cao Phật pháp tối thượng...), áo tượng vẫn còn ít nếp, nhưng các nếp đều được uốn lượn mềm mại và có suy tư sâu. Pho tượng ở giữa không để áo trật khỏi vai hữu mà phủ gần kín như các tượng cùng loại ở chùa khác. Tuy nhiên, tượng vẫn cùng một phong cách như hai tượng bên. Đặc biệt, đài sen của cả 3 pho đều mang phong cách Mạc (nửa cuối thế kỷ XVI, nửa đầu thế kỷ XVII...), với các cánh múp phồng và nhô hẳn mũi ra. Hàng thứ 2 của Phật điện là tượng A Di Đà, với niên đại muộn hơn rất nhiều.

Hàng thứ 3 là tượng Thích Ca kết ấn gia trì, tiếp tới là tượng Quan Âm Thiên Thủ rồi bộ tượng Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu. Cuối cùng là tượng Thích Ca sơ sinh. Hai bên sườn của thượng điện là nơi của Thập điện Diêm Vương, với các pho tượng nghiêm chỉnh. Các tượng khác của chùa còn có Quan Âm tọa sơn (thế kỷ XIX), ba vị tổ chùa (thế kỷ XIX) và một tượng bà hậu chùa khá đẹp, với niên đại sớm hơn (nay không biết lưu lạc ở đâu). Nhìn chung, ngoài bộ Tam thế thì tất cả các tượng của chùa chỉ mang giá trị nghệ thuật vừa phải. Trong "cái mở hỗn độn" hiện nay, thì các tượng của điện Mẫu lại bị xếp vô hàng lối. Các tượng này đều được làm bằng gỗ hoặc đất, nhưng nhiều pho đã được gia công rất kỹ, nên đạt được giá trị nghệ thuật nhất định, có một vài pho rất đặc biệt cả về nghệ thuật và ý nghĩa thuộc tín ngưỡng dân gian mà chúng ta cần phải lưu tâm. Chúng tôi mong các kiến trúc này cần được tôn tạo khang trang hơn để trả lại cho nó vẻ đẹp thánh thiện về lịch sử và văn hoá nghệ thuật gần như nó vốn có. □

